TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 224/2024/HC-PT
Ngày 10 tháng 4 năm 2024
V/v khiếu kiện quyết định hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn
Bà Nguyễn Phương Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai theo hình thức trực tuyến xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 50/2024/TLPT-HC ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính", do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3075/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Vũ Đình A, sinh năm 1956; địa chỉ: thôn D, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Đình A: Anh Vũ Đình T, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn D, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định (địa chỉ thường trú hiện nay: A1107 - T, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ý, tỉnh Nam Định

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Ý: Ông Nguyễn Sinh T1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã Y: Ông Lê Văn T2, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y.

- Người kháng cáo: Ông Vũ Đình A (Là người khởi kiện).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Vũ Đình A, anh Vũ Đình T có mặt; các đương sự khác có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là ông Vũ Đình A và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện là anh Vũ Đình T trình bày:

Ông Vũ Đình A khởi kiện Quyết định hành chính số 9905/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ý "về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đình A thôn D, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định" (lần đầu) chứ không kiện hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là: UBND) huyện Ý.

Ngày 14/9/2021, ông Vũ Đình A gửi đơn khiếu nại về nội dung Thông báo kết luận số 586/UBND-TNMT ngày 18/8/2021 của UBND huyện Ý về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Vũ Đình A với nội dung kết luận phần diện tích đất tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây viết tắt là: GCNQSD) đất của hộ ông A do lấn chiếm một phần diện tích đất mặt nước thùng đào do UBND xã Y quản lý. Ngày 15/12/2022 ông Vũ Đình A nhận được Quyết định số 9905/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Ý "về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đình A thôn D, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định". Ông A không đồng ý nội dung của Quyết định này do xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông nên ông A nộp đơn khởi kiện đến Tòa án với nội dung cụ thể như sau:

1. Phần nội dung nêu trong Quyết định số 9905/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Ý nêu: "Diện tích 669,1 m^2 tăng so với GCNQSD đất đã được cấp mà gia đình ông Vũ Đình A đang sử dụng tại các thửa 125, 126, 127, tờ bản đồ số 26 (bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Y năm 2010) là chưa hợp pháp, nguồn gốc diện tích đất này do gia đình ông A lấn chiếm đất mặt nước thùng đào do UBND xã Y quản lý". Ông Vũ Đình A không đồng ý nội dung kết luận trên vì:

a) Căn cứ vào biên bản làm việc giữa gia đình ông Vũ Đình A và UBND xã Y ngày 24/12/2020. Tại buổi làm việc, UBND xã Y đã căn cứ vào tài liệu địa chính để ban hành kết luận trả lời đơn kiến nghị việc cấp bổ sung phần diện tích đất ở theo hiện trạng sử dụng của ông Vũ Đình A được chính quyền địa phương xác nhận ngày 07/5/2009 không thuộc thẩm quyền của UBND xã Y và đề nghị hộ gia đình ông Vũ

Đình A tiếp tục đề nghị lên cấp trên giải quyết. Nếu gia đình ông lấn chiếm đất công của UBND xã Y quản lý thì UBND xã đã không đề nghị hộ gia đình ông Vũ Đình A tiếp tục đề nghị lên cấp trên để cấp bổ sung phần diện tích đất theo hiện trạng đang sử dụng và đã được UBND xã Y đo đạc lại năm 2009, mà phải ra kết luận gia đình ông Vũ Đình A lấn chiếm đất công mặt nước thùng đào do UBND xã Y quản lý. Căn cứ vào biên bản đo đạc hiện trạng và xác minh nguồn gốc sử dụng đất được chính quyền địa phương xác nhận ngày 07/5/2009 của hộ ông Vũ Đình A thôn D là đất sử dụng ổn định, không tranh chấp, không lấn chiếm, không sang nhượng và căn cứ Hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất của hai con ông Vũ Đình A được chính quyền địa phương xác nhận ngày 15/11/2009, UBND huyện Ý ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận gia đình ông Vũ Đình A đang sử dụng tại các thửa 125, 126, 127 tờ bản đồ số 26 (Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Y năm 2010) là không có cơ sở, không dựa vào biên bàn làm việc của UBND xã Y và nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông Vũ Đình A để giải quyết đơn khiếu nại.

b) Căn cứ vào biên bản làm việc giữa gia đình ông Vũ Đình A và UBND huyện Ý ngày 27/5/2021, ông Lê Văn T2 là Phó Chủ tịch UBND xã Y đã có ý kiến, trích dẫn: "Bản đồ đo đạc năm 2010 là bản đồ đo đạc lại hiện trạng sử dụng đất chưa được công nhận và đang tiến hành chỉnh lý". Đại diện chính quyền địa phương, ông Lê Văn T2 Phó Chủ tịch UBND xã Y đã đưa ra bản đồ đo đạc năm 2010 chưa được công nhận và đang tiến hành chỉnh lý. Trong 3 thửa đất 125, 126, 127, tờ bản đồ số 26 (bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Y năm 2010) chưa được ông Vũ Đình A và chính quyền địa phương xác nhận. UBND xã Y còn chưa công nhận bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2010, còn đang tiến hành chỉnh lý. Vậy UBND huyện Ý không có căn cứ sử dụng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2010 để trả lời ông Vũ Đình A.

c) Căn cứ đơn khiếu nại ngày 14/9/2021 và biên bản đối thoại giữa gia đình ông Vũ Đình A với UBND huyện Ý ngày 03/11/2022. Anh Vũ Đình T đã có ý kiến, trích dẫn: "Tôi không đề nghị UBND huyện cấp diện tích biến động tại 3 thửa đất số 125, 126, 127, tờ bản đồ số 26. Tôi đề nghị giải quyết cấp bổ sung phần diện tích đất tăng, chênh lệch so với GCNQSD đất cấp năm 1999, cấp đổi cho ông Vũ Đình A theo đúng biên bản đo hiện trạng đất của ông Vũ Đình A được chính quyền địa phương xác nhận ngày 07/5/2009 theo đúng Luật Đất đai năm 2013 và các quy định của pháp luật hiện hành". UBND huyện Ý căn cứ vào các thửa đất 125, 126, 127, tờ bản đồ số 26; bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Y năm 2010 là thửa đất được đăng ký biến động đo đạc giải thửa theo hiện trạng sử dụng đất để giải quyết đơn khiếu nại của ông Vũ Đình A là không đúng. UBND huyện Ý không đưa ra được cơ sở pháp lý nào là gia đình ông Vũ Đình A lấn chiếm đất công, đất mặt nước thùng đào do UBND xã Y quản lý, không căn cứ vào biên bản đối thoại ngày 03/11/2022 và không căn cứ vào đơn khiếu nại kèm theo các tài liệu, chứng cứ.

2. Nội dung kết luận trong Quyết định số 9905/QĐ-UBND: "Ông Vũ Đình A không cung cấp được các giấy tờ gì có liên quan về việc đã nộp tiền hay được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông để

sử dụng đối với diện tích 669,1m² tăng so với GCNQSD đất đã được UBND huyện Ý cấp ngày 20/7/1999. Vì vậy, việc ông Vũ Đình A đề nghị UBND huyện cấp GCNQSD đất đối với toàn bộ diện tích đất đang sử dụng tại 3 thửa đất 125, 126, 127, tờ bản đồ số 26 là không đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013". Ông Vũ Đình A không đồng ý nội dung kết luận trên vì:

a) Căn cứ vào biên bản đối thoại giữa gia đình ông Vũ Đình A và UBND huyện Ý ngày 03/11/2022 và căn cứ biên bản giao nhận về việc tiếp nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung khiếu nại ngày 21/10/2022. Trong buổi đối thoại ngày 03/11/2022, ông Vũ Đình A đã đưa ra nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, cơ sở pháp lý, các tài liệu và chứng cứ cho UBND huyện Ý như đã trích dẫn nội dung biên bản đối thoại. Tại buổi làm việc ngày 21/10/2022, ông Vũ Đình A đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung khiếu nại cho ông Nguyễn Văn H - Phó Chánh Thanh tra, Trưởng đoàn xác minh. Trong đơn khiếu nại ông Vũ Đình A đã đưa ra nội dung, trích dẫn: "Ông Vũ Đình A không có đề nghị UBND huyện Ý cấp phần diện tích đất tăng tại 3 thửa đất số 125, 126, 127 tờ bản đồ số 26".

Như vậy, UBND huyện Ý không căn cứ vào biên bản đối thoại ngày 03/11/20022; không căn cứ vào nội dung đơn khiếu nại của ông Vũ Đình A ngày 14/9/2021; không căn cứ các tài liệu và chứng cứ ông Vũ Đình A cung cấp ngày 21/10/2022 để làm căn cứ giải quyết đơn khiếu nại của ông Vũ Đình A theo đúng quy định của pháp luật. Trong buổi đối thoại, Đoàn xác minh cố ý bỏ qua các bằng chứng, bỏ qua các thông tin, tài liệu mà gia đình ông Vũ Đình A cung cấp để thay đổi bản chất vụ việc, cố ý không giải quyết theo nội dung khiếu nại mà ông Vũ Đình A đã trình bày.

b) Căn cứ vào biểu mẫu số 15 - Quyết định về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

UBND huyện Ý không viện dẫn các điều khoản cụ thể của văn bản pháp luật để kết luận về từng nội dung khiếu nại để làm căn cứ ra quyết định trả lời đơn khiếu nại của ông A theo đúng Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Do vậy, UBND huyện Ý cố tình ban hành Quyết định không đúng quy định của pháp luật để trả lời đơn khiếu nại của ông Vũ Đình A.

3. Điều 1 của Quyết định số 9905/QĐ-UBND: "Điều 1. Giữ nguyên nội dung Văn bản số 586/UBND-TNMT ngày 18/8/2021 của UBND huyện Ý về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Vũ Đình A thôn D, xã Y".

Ông Vũ Đình A không đồng ý nội dung Điều 1 trên vì: Trong phần kết luận của văn bản số 586/UBND-TNMT ngày 18/8/2022 của UBND huyện Ý có viện dẫn các điều khoản cụ thể của văn bản pháp luật để làm căn cứ kết luận trả lời ông Vũ Đình A. Trong khi phần kết luận của Quyết định số 9905/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Ý không đưa ra viện dẫn các điều khoản cụ thể của văn bản pháp luật để làm căn cứ ra Quyết định trả lời đơn khiếu nại của ông Vũ Đình A theo Luật

Khiếu nại 2011 và Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Do vậy, phần kết luận của văn bản số 586/UBND-TNMT và phần kết luận của Quyết định số 9905/QĐ-UBND là khác nhau nên UBND huyện Ý ra Quyết định ở Điều 1 để giữ nguyên nội dung văn bản số 586/UBND-TNMT ngày 18/8/2022 của UBND huyện Ý là không đúng theo quy định của pháp luật.

Tóm lại: Từ các căn cứ mục 1, 2, 3 đã nêu như trên, ông Vũ Đình A không đồng ý với các nội dung của Quyết định số 9905/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Ý về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đình A.

4. Trong nội dung hiện trạng sử dụng đất của Quyết định số 9905/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Ý trả lời là không đúng sự thật vì: Ngày 17/11/2022, Đoàn xác minh khiếu nại tổ chức buổi làm việc đo đạc hiện trạng và xác minh nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông Vũ Đình A, anh Vũ Đình T có đề nghị Đoàn xác minh đo đạc theo hiện trạng sử dụng đất và xác minh nguồn gốc sử dụng đất của ông Vũ Đình A phải căn cứ vào: "Biên bản đo xác định lại đất đang sử dụng của hộ ông Vũ Đình A thôn D" đã được chính quyền địa phương xác nhận ngày 07/5/2009 nhưng Đ xác minh không đồng ý và bỏ về; cho thấy hành vi bỏ về là thiếu tôn trọng công dân, không dân chủ và cố tình không hợp tác với công dân.

Năm 2010 giữa ông Vũ Đình A và UBND xã Y không có biên bản nào xác nhận hiện trạng khu đất ông Vũ Đình A đang sử dụng. Vậy UBND huyện Ý căn cứ vào đâu lại bảo hiện trạng khu đất có công trình nhà mái bằng, sân và vườn. Vì năm 2010 gia đình ông Vũ Đình A còn 2 nhà cấp 4, chưa xây dựng nhà mái bằng, gia đình ông Vũ Đình A xây nhà mái bằng từ năm 2016. Như vậy, ngày 17/11/2022 Đoàn xác minh của UBND huyện xuống xem đất gia đình ông Vũ Đình A ở để ra hiện trạng khu đất của nhà ông Vũ Đình A năm 2010 là hết sức vô lý.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Ông Vũ Đình A sinh ra và lớn lên tại quê hương D, xã Y, huyện Ý. Trước năm 1960, ông A và bố mẹ, anh em ruột sinh sống trên mặt đường 10 cũ, cách đầu cầu S - Nam Định 50m. Năm 1965, cả gia đình ông A đi sơ tán chiến tranh ở thôn N, thôn N của xã Y. Năm 1971 máy bay Mỹ vẫn còn đang ném bom ở đầu cầu S nên gia đình ông A không quay về chỗ ở cũ nữa mà di cư xuống đầu làng T để khai hoang, phục hóa chỗ ở mới (mảnh đất hiện nay ông A đang sinh sống), tiếp tục bám đồng ruộng để sản xuất. Năm 1973, ông A đi công nhân ở Yên Bái. Ngày 07/4/1975 ông A nhập ngũ tham gia quân đội để đi giải phóng miền N; sau ngày giải phóng miền N đơn vị ông A chuyển lên tỉnh Cao Bằng đóng quân để bảo vệ biên giới tỉnh Cao Bằng; tháng 02/1979 tham gia chiến đấu chống giặc ngoại xâm bảo vệ biên giới tại Đèo K, huyện P, tỉnh Cao Bằng. Tháng 11/1981, ông A về phục viên làm xã viên HTX N4 cho đến nay vẫn là xã viên HTX N4. Cuối năm 1981, ông A lấy vợ sinh con tiếp tục sinh sống trên mảnh đất mà đã được chính quyền địa phương xác nhận hiện trạng sử dụng đất vào ngày 07/5/2009 cho ông Vũ Đình A. Đến nay là hơn 50 năm ông A vẫn đang sử dụng mảnh đất này. Ông A và các con đều sinh ra và lớn lên tại mảnh đất này. Gia đình ông A là người gốc ở thôn D, trực tiếp sản xuất đất

nông nghiệp tại thôn D. GCNQSD đất của ông A được đo năm 1991, cấp ngày 20/7/1999 nhưng mãi đến đầu năm 2009, tức 10 năm sau ông A mới nhận được GCNQSD đất từ ông N (nguyên là Trưởng thôn D). GCNQSD đất bao gồm diện tích đất ở là 175m² và đất ruộng cấy là 3656m². Khi xem GCNQSD đất ông Vũ Đình A mới thấy diện tích đất ở trong bìa đỏ không đúng với thực tế hiện trạng đất ông A đang sử dụng. Do vậy, ông Vũ Đình A có làm đơn lên UBND xã Y về đo hiện trạng và cấp bổ sung diện tích đất ở còn thiếu cho ông. Đến ngày 07/5/2009 UBND xã Y, cơ sở thôn D đã về lập biên bản đo xác định hiện trạng thực tế đất của ông A đang sử dụng. Từ đó đến nay, nhiều lần ông A gửi đơn tiếp lên UBND xã Y để công nhận quyền sử dụng đất phần diện tích chưa cấp theo biên bản đo hiện trạng nhưng vẫn chưa được giải quyết.

Hiện trạng thực tế đất ông Vũ Đình A đang sử dụng gồm phần đất đã cấp GCNQSD đất năm 1999 và phần đất chưa công nhận quyền sử dụng đất thuộc khu dân cư thôn D, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất ở.

Đầu năm 2005, ông Lê Thanh B - Chủ tịch UBND xã Y, là đại diện cho chính quyền địa phương trực tiếp xuống nhà ông Vũ Đình A vận động để xin ông A hỗ trợ đào vào đất ở của ông (phần diện tích chưa công nhận quyền sử dụng đất) và xin giải phóng mặt bằng trên đất để nắn thẳng dòng chảy con kênh mương Cống Đìa. Chính quyền địa phương đã lấy vào đất ở của ông A chiều rộng 3m, chiều dài 40m, tổng 120m^2, không có lập phương án bồi thường và thỏa thuận đền bù đất và các tài sản trên đất cho ông A. Sau nhiều lần ông A làm đơn đòi đền bù thì trả cho ông Vũ Đình A 1.5 triệu đồng nhưng ông A chưa lấy vì đền bù không đúng. Nếu đất thuộc quản lý của UBND xã Y thì UBND xã Y sẽ không cần phải xuống xin ông Anh đ đất để nắn thẳng kênh mương Cống Đìa. Do vậy, phần diện tích chưa công nhận quyền sử dụng đất của ông Vũ Đình A không lấn chiếm của UBND xã Y.

Ngày 09/12/2015, ông Vũ Đình A có làm đơn kiến nghị chuyển đổi đất vào bìa đỏ và hỗ trợ kinh phí tài chính công vượt lập và hoa màu lên UBND xã Y, được ông Vũ Văn T3 - Chủ tịch HĐQT HTX N4 ký xác nhận nội dung trên đơn cho ông Vũ Đình A: "Xác nhận đề nghị của gia đình ông Vũ Đình A trong thời gian đó các cấp không giải quyết, mà nhiệm kỳ 2009-2014 đến cuối nhiệm kỳ đã họp và HTX N4 có hỗ trợ cho gia đình ông A số tiền là 1.500.000 VNĐ vì hợp tác xã không phải chủ đầu tư xong gia đình ông A không nhận vì giá thiệt thòi. Vậy đề nghị các cấp xem xét hỗ trợ cho gia đình ông A". Đến năm 2015 ông A vẫn đang có đơn đòi đền bù đất (phần diện tích chưa công nhận quyền sử dụng đất) và tài sản trên đất mà chính quyền địa phương đã lấy làm kênh mương Cống Đìa. Nếu đất hộ ông A lấn chiếm của UBND xã Y thì sao tại thời điểm đó UBND xã Y không đưa ra căn cứ pháp lý nào để kết luận ông A đã lấn chiếm là phần diện tích đất, mặt nước thùng đào do UBND xã Y quản lý. Ngày 08/6/2019, ông Vũ Đình A có làm đơn xin cấp bìa đỏ gửi UBND xã Y, phòng Tài nguyên Môi trường huyện Ý. Ngày 12/6/2019, Chủ tịch HĐQT HTX N4 là ông Vũ Văn T3 (nguyên là Bí thư Chi bộ thôn D) xác nhận trên đơn là đất của ông Vũ Đình A không có tranh chấp với kênh mương của HTX N4. Phần diện tích chưa công

nhận quyền sử dụng đất của ông Vũ Đình A giáp ranh kênh mương Cống Đìa đã được HTX N4 xác nhận đất không có tranh chấp.

Mảnh đất hộ ông Vũ Đình A không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề (hướng Tây Nam giáp nhà bố ông A là ông Vũ Đình V không có tranh chấp; hướng Tây Bắc giáp mương của HTX N4 không tranh chấp; hướng Đông Bắc giáp kênh mương Cống Đìa không có tranh chấp).

Mảnh đất chưa công nhận quyền sử dụng đất của ông A được sử dụng cùng thời điểm với mảnh đất liền kề bên cạnh nhà ông A là cụ Vũ Đình V (bố đẻ ông A) cũng được cấp đủ GCNQSD đất, đủ diện tích, chiều rộng và chiều dài hết đất về phía sau; riêng hộ ông A lại cấp thiếu diện tích theo hiện trạng nên ông A mới có đơn để xin cấp bổ sung phần diện tích cấp thiếu. Dãy liền kề khu vực đất nhà ông A đang ở đều được cấp đủ diện tích, chiều rộng và chiều dài hết đất về phía sau. Ông A có cung cấp tài liệu chứng cứ từ các tổ chức và cá nhân đã xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất ở của ông A cho Đoàn xác minh UBND huyện Ý ngày 21/10/2022 nhưng Đ xác minh không đi xác minh thực tế và cũng không đo lại hiện trạng khu đất ông A đang sử dụng theo biên bản ngày 07/5/2009 của UBND xã Y nhưng UBND huyện Ý vẫn ban hành được quyết định (lần đầu) để trả lời ông A.

Về tài liệu, chứng cứ từ các tổ chức và cá nhân đã xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất ở của ông Vũ Đình A cụ thể như sau: Ngày 25/8/2021, ông Vũ Hồng Đ1 (nguyên Chủ tịch UBND xã Y thời kỳ đo đất giãn dân cho nhân dân xã Y năm 1990) ký xác nhận ông Vũ Đình A là người gốc Dinh Tần, từ trước tới nay ở đất ông cha trên đường A không lấn chiếm (áp Cống Đ2). Ngày 06/10/2021, Chi bộ Đảng cùng các Đảng viên thôn D, ngày 30/8/2021 tập thể nhân dân Dinh Tần ký xác nhận mảnh đất ông Vũ Đình A đang sinh sống là do khai hoang, phục hóa từ những năm 1971 cho đến ngày hôm nay; mảnh đất có ranh giới chạy theo đường 10 cũ và tiếp giáp Cống Đìa, trong 50 năm qua ông A không có lấn chiếm đất công, không tranh chấp với tập thể và cá nhân nào. Trong đơn xin xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất được Chi bộ Đảng cùng các Đảng viên thôn D ký xác nhận ngày 06/12/2021 thì có ông Vũ Đình N1 (nguyên Trưởng thôn Dinh Tần thời kỳ 1992-2002) xác nhận vào đơn ngày 07/10/2022 với nội dung: "Tôi: Vũ Đình N1 nguyên Trưởng thôn D (1992-2002) xác nhận ông Vũ Đình A đã ở thửa đất hiện tại là đúng. Gia đình chưa có tranh chấp và lấn chiếm đất công". Ngày 28/8/2021, ông Đinh Công T4 (nguyên Chủ nhiệm hợp tác xã thời kỳ đo đất giãn dân năm 1990) xác nhận từ năm 1980 ông Vũ Đình A làm chủ nhiệm HTX Cầu Cổ đến năm 1991 gia đình ông Vũ Đình V là bố (đã mất), con là Vũ Đình A sinh sống ổn định không tranh chấp, không sang nhượng, không lấn chiếm được xác nhận là đúng. Ngày 26/8/2021 ông Phạm Văn T5 (nguyên Chủ nhiệm HTX N4 giai đoạn 2000- 2015), trong thời gian ông Vũ Đình A phụ trách HTX huyện có đầu tư cấp hóa đoạn kênh C - thôn D HTX chưa trả cho gia đình ông A thôn D 1 khoản kinh phí nào. Ngày 29/8/2021, ông Lê Trung Q ký xác nhận cho ông Vũ Đình A: "Xác nhận cho ông Vũ Đình A là người thôn Dinh T6, có miếng đất tại C là đất khai hoang phục hóa có đơn năm 2005 HTX Cầu Cổ nắn dòng chảy phạm vào

đất của gia đình ông. HTX hứa bồi thường nhưng mãi đến nay chưa bồi hoàn. Nay ông Vũ Đình A là người dân địa phương xác nhận cho gia đình ông là miếng đất có thật và sự thật là gia đình ông đã ở đấy từ những năm 1971 đến bây giờ, vậy nay các cấp chính quyền giải quyết cho gia đình ông khỏi thiệt thòi". Ngày 26/8/2021, ông Đỗ Trung T7; ngày 28/8/2021, ông Đỗ Trung T8; ngày 28/9/2021, ông Vũ Mạnh H1 đều ký xác nhận mảnh đất ông Vũ Đình A sinh sống từ năm 1971 đến ngày nay có nguồn gốc khai hoang, phục hóa, không tranh chấp, không lấn chiếm, không sang nhượng...

Căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của UBND xã Y, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của UBND huyện Ý được cấp có thẩm quyền phê duyệt kể từ năm 1971 đến nay bảo ông Vũ Đình A lấn chiếm đất công của UBND xã Y quản lý thì được sử dụng vào mục đích đất gì thì Đ xác minh không đưa ra được. Trong buổi đối thoại ngày 03/11/2022, con trai ông A có đề nghị Đoàn xác minh cung cấp danh sách hộ gia đình ông A có nằm trong danh sách các hộ sử dụng đất không hợp pháp của thôn D, xã Y, huyện Ý theo Hướng dẫn số 42/STNMT-TTra ngày 09/01/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N và Hướng dẫn số 1456/HD-STNMT ngày 01/7/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N nhưng Đ xác minh không đưa ra được. Tóm lại: UBND huyện Ý đã không xác minh thực tế nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông Vũ Đình A; không xác minh các tài liệu, chứng cứ ông A đã cung cấp; không xác minh thực tế hiện trạng sử dụng đất của ông A; không xác minh thực tế tổ chức và cá nhân đã ký xác nhận cho gia đình ông A để làm căn cứ giải quyết đơn cho ông A.

Mảnh đất của ông A đủ điều kiện cấp đổi (căn cứ khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013) hoặc cấp mới lần đầu (căn cứ khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013) cấp cho ông Vũ Văn H2 tức ông Vũ Đình A.

Thứ nhất: Gia đình ông Vũ Đình A sử dụng đất trước ngày 15/10/1993.

Thứ hai: Khu đất ông Vũ Đình A đang khiếu nại sử dụng từ năm 1971. Hộ khẩu thường trú tại thôn D từ thời tỉnh Nam Hà, từ năm 1971 đến nay.

Thứ ba: Ông Vũ Đình A trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (kèm theo: GCNQSD đất cấp ngày 20/7/1999).

Thứ tư: Thửa đất ông Vũ Đình A đang khiếu nại được sử dụng ổn định, không tranh chấp, không sang nhượng và sử dụng đất liên tục từ năm 1971 đến ngày hôm nay.

Thứ năm: Ranh giới thửa đất ông Vũ Đình A đang khiếu nại từ năm 1971 đến nay không thay đổi (có ảnh kèm theo).

Thứ sáu: Thửa đất của ông Vũ Đình A không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề (hướng Tây Nam giáp nhà bố ông A là ông Vũ Đình V không có tranh chấp; hướng Đông Bắc giáp mương Cống Đ2 và kênh mương HTX quản lý không có tranh chấp, đã được Chủ tịch HĐQT HTX N4 xác nhận là đất không có tranh chấp với kênh mương HTX, có gửi đơn kèm theo).

Cơ sở pháp lý: Căn cứ khoản 5 Điều 98 của Luật Đất đai năm 2013: khi diện tích thực tế khác với diện tích trong giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận thì xử lý như sau: Trường hợp: Ranh giới thửa đất không thay đổi. Ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề thì khi cấp hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận diện tích đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế. Người sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất đối với phần diện tích chênh lệch nhiều hơn nếu có. Hay nói cách khác, khi ranh giới không thay đổi thì được cấp Giấy chứng nhận đối với diện tích tăng thêm nếu đủ điều kiện cấp áp dụng đối với trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận lần đầu hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận (áp dụng đối với trường hợp đã cấp Giấy chứng nhận lần đầu). Căn cứ vào khoản 1 Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013; căn cứ khoản 5 Điều 98 của Luật Đất đai năm 2013 thì mảnh đất của ông Vũ Đình A đủ điều kiện được cấp bổ sung phần diện tích chênh lệch. Phần diện tích chênh lệch bằng diện tích trong biên bản đo hiện trạng thực tế sử dụng đất được chính quyền địa phương xác nhận ngày 07/5/2009 trừ diện tích đất ở trong GCNQSD đất đã cấp.

Từ những cơ sở trình bày trên, ông Vũ Đình A đề nghị Tòa án giải quyết, cụ thể như sau:

1. Hủy bỏ Quyết định số 9905/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Ý về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đình A thôn D, xã Y (lần đầu).

2. Làm rõ toàn bộ diện tích đất trong biên bản đo hiện trạng được chính quyền địa phương xác nhận ngày 07/5/2009 và trong GCNQSD đất đã cấp như: diện tích, chiều rộng, chiều dài, vị trí giáp ranh, các hướng giáp ranh.

3. Làm rõ các ranh giới của toàn bộ thửa đất liền thổ, đất đã cấp, đất chưa cấp cho ông Vũ Đình A.

4. Làm rõ phần diện tích đất, mặt nước thùng đào của UBND xã Y quản lý mà UBND huyện Ý kết luận ông Vũ Đình A lấn chiếm trên thực địa như: vị trí đất lấn chiếm, vị trí mặt nước thùng đào lấn chiếm, diện tích đất lấn chiếm, diện tích thùng đào lấn chiếm.

5. Làm rõ việc UBND huyện Ý kết luận gia đình ông Vũ Đình A lấn chiếm đất công, đất mặt nước thùng đào do UBND xã Y quản lý.

6. Cấp bổ sung phần diện tích chênh lệch bằng diện tích trong Biên bản đo hiện trạng thực tế sử dụng đất được chính quyền địa phương xác nhận ngày 07/5/2009 - diện tích đất ở trong GCNQSD đất đã cấp theo khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013 cấp cho ông Vũ Văn H2 tức ông Vũ Đình A. Hoặc cấp mới lần đầu phần diện tích chênh lệch bằng diện tích trong biên bản do hiện trạng thực tế sử dụng đất được chính quyền địa phương xác nhận ngày 07/5/2009 - diện tích đất ở trong GCNQSD đất đã cấp theo khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai cấp cho ông Vũ Văn H2 tức ông Vũ Đình A.

7. Đề nghị làm rõ ranh giới thửa đất năm 2005 giữa thửa đất của ông Vũ Đình A và mương Cống Đìa lúc chưa nắn thẳng kênh mương Cống Đìa so với hiện trạng khu đất hiện nay.

2. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Ý, tỉnh Nam Định trình bày:

- Về nguồn gốc của thửa đất:

Theo bản đồ địa chính năm 1986 là thửa số 54, tờ bản đồ số 2, diện tích 140m² đất ở, đứng tên ông Vũ Đình A.

Theo bản đồ địa chính năm 1991 là thửa đất số 39, tờ bản đồ số 4, diện tích 175m² đất ở, đã được UBND huyện Ý cấp GCNQSD đất số D 0652357 ngày 20/07/1999 đứng tên ông Vũ Văn H2 (tức Vũ Đình A).

- Diễn biến quá trình sử dụng đất:

Ông Vũ Đình A được UBND huyện Ý cấp GCNQSD đất ngày 20/07/1999 tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 4 (bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991, chỉnh lý năm 1994) với diện tích 175m² đất ở. Trước năm 2010, ông A đã tách làm 3 thửa đất, hiện trạng theo bản đồ địa chính xã Y năm 2010 cụ thể như sau:

+ Thửa số 125, tờ bản đồ số 26, diện tích 249,1m^2; trong đó, đất ở 123,9m², đất mặt nước thùng đào 125,2m², đứng tên ông Vũ Đình T (Con ông A);

+ Thửa số 126, tờ bản đồ số 26, diện tích 224,3m²; trong đó, đất ở 114,1m², đất mặt nước thùng đào 110,2m², đứng tên ông Vũ Đình T9 (Con ông A);

+ Thửa số 127, tờ bản đồ số 26, diện tích 370,7m²; trong đó, đất ở 204,7m², đất mặt nước thùng đào 166m², đứng tên ông Vũ Đình A.

Tổng diện tích hiện trạng 3 thửa đất là 844,1m², so với diện tích hộ ông Vũ Đình A đã được cấp GCNQSD đất năm 1999 là 175m² thì diện tích gia đình ông A đang sử dụng tăng so với giấy chứng nhận là 669,1m^2 đứng tên ông Vũ Văn H2 tức ông Vũ Đình A. Lý do tăng: Trong quá trình sử dụng đất, gia đình ông A đã lấn chiếm một phần diện tích đất tại thửa số 83, tờ bản đồ địa chính số 4 xã Y lập năm 1991, loại đất MN/hg do UBND xã Y quản lý.

Ông A cung cấp biên bản đo xác định lại đất đang sử dụng của hộ ông Vũ Đình A - thôn D do UBND xã Y lập ngày 07/5/2009, nội dung thể hiện kích thước các cạnh và hiện trạng thửa đất ông A đang sử dụng.

- Hiện trạng sử dụng đất:

Ngày 17/11/2022, Đoàn xác minh khiếu nại tổ chức buổi làm việc để kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Vũ Đình A, tuy nhiên ông A và gia đình không hợp tác, do vậy không thực hiện được đo đạc hiện trạng.

Hiện trạng theo bản đồ địa chính xã Y đo đạc năm 2010 gồm 3 thửa đất, tổng diện tích là 844,1m², trên khu đất có công trình nhà mái bằng, sân và vườn. Trong đó, diện tích chưa hợp pháp gia đình ông A đang sử dụng tăng so với giấy chứng nhận là 669,1m^2, hiện trạng là vườn, chưa có công trình xây dựng.

- Về quy hoạch sử dụng đất: Diện tích đất gia đình ông A thuộc khu dân cư thôn D, phù hợp quy hoạch sử dụng đất ở (sau khi trừ hành lang giao thông đường bộ và hành lang bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định).

- Về kết quả đối thoại: Ngày 03/11/2022, UBND huyện tổ chức đối thoại với ông Vũ Đình A và anh Vũ Đình T (là con trai ông A được ông A uỷ quyền). Tại buổi đối thoại, UBND huyện kết luận: Ông Vũ Đình A khiếu nại văn bản số số 586/UBND-TNMT ngày 18/8/2021 của UBND huyện Ý, tại buổi đối thoại ông không cung cấp được tài liệu và chứng cứ mới. Việc ông Vũ Đình A đề nghị cấp GCNQSD đất cho gia đình ông theo Biên bản ngày 07/5/2009 của UBND xã Y lập là chưa có cơ sở để các cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết.

- Kết luận: Diện tích 669,1m² tăng so với GCNQSD đất đã được cấp mà gia đình ông Vũ Đình A đang sử dụng tại các thửa 125,126,127, tờ bản đồ số 26 (bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Y năm 2010) là chưa hợp pháp, nguồn gốc diện tích đất này do gia đình ông A lấn chiếm đất mặt nước thùng đào do UBND xã Y quản lý.

Ông Vũ Đình A không cung cấp được các giấy tờ gì có liên quan về việc đã nộp tiền hay được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông để sử dụng đối với diện tích 669,1m² tăng so với GCNQQSD đất đã được UBND huyện Ý cấp ngày 20/7/1999. Vì vậy, việc ông Vũ Đình A đề nghị UBND huyện cấp GCNQSD đất đối với toàn bộ diện tích đất đang sử dụng tại 3 thửa đất 125, 126, 127, tờ bản đồ số 26 là không đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu có liên quan và kết quả xác minh, giải quyết, UBND huyện Ý ban hành Quyết định số 9905/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 giữ nguyên nội dung Văn bản số 586/UBND-TNMT ngày 18/8/2021 của UBND huyện Ý về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Vũ Đình A. UBND huyện Ý đề nghị Tòa án xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Y trình bày:

- Về nguồn gốc, diễn biến quá trình sử dụng đất và hồ sơ địa chính:

Theo bản đồ địa chính xã Y lập năm 1986, hộ ông Vũ Đình A sử dụng thửa đất số 54 thuộc tờ bản đồ số 2, diện tích 140m², có tứ cạnh: phía Đông giáp diện tích đất thùng đào (Thửa số 41, diện tích 8.748m², loại đất MN/tđ); phía Tây giáp diện tích đất thổ canh của hợp tác xã (Thửa 53, diện tích 150m², loại đất TC); phía Bắc giáp diện tích đất thùng đào (Thửa số 41, diện tích 8.748 m², loại đất MN/tđ); phía Nam giáp đất đường giao thông.

Theo bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991, hộ ông Vũ Đình A sử dụng thửa đất số 39 thuộc tờ bản đồ số 4, diện tích 175m², có tứ cạnh: phía Đông giáp diện tích đất mặt nước hoang (Thửa số 35, loại đất MN/hg); phía Tây giáp diện tích đất hộ ông V (Thửa 38); phía Bắc giáp diện tích đất mặt nước hoang (Thửa số 35, loại đất MN/hg); phía Nam giáp đất đường giao thông.

Ngày 20/7/1999, hộ ông Vũ Đình A được cấp GCNQSD đất số D0652357 với tổng diện tích là 3.831m², trong đó diện tích đất ở là 175m² tại thửa số 39 tờ bản đồ số 04 Bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991, còn lại 3.656m^2 đất nông nghiệp ngoài đồng.

Ngày 15/11/2009 ông Vũ Đình A đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho hai con trai là Vũ Đình T và Vũ Đình T9 (Hợp đồng không ghi rõ diện tích tặng cho).

Theo bản đồ địa chính xã Y lập năm 2010, hộ ông Vũ Đình A sử dụng các thửa như sau:

+ Tờ bản đồ số 26, thửa đất số 125, diện tích 249,1m² (trong đó đất ở 123,9m^2, đất nuôi trồng thủy sản là 125,2m²) đứng tên ông Vũ Đình T.

+ Tờ bản đồ số 26, thửa đất số 126, diện tích 224,3m² (trong đó đất ở 114,1m², đất nuôi trồng thủy sản là 110,2m²) đứng tên ông Vũ Đình T9.

+ Tờ bản đồ số 26, thửa đất số 127, diện tích 370,7m² (trong đó đất ở 204,7m², đất nuôi trồng thủy sản là 166m²) đứng tên ông Vũ Đình A.

Bản đồ đo đạc năm 2010 tăng so với bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991 là 669.1m²

- Hiện trạng sử dụng đất: Hiện nay, ông Vũ Đình A đã xây dựng nhà kiên cố tại thửa đất số 127 tờ bản đồ số 26 hiện mang tên ông Vũ Đình A. Tại thửa số 125 và 126 thuộc tờ bản đồ số 26 mang tên ông Vũ Đình T và ông Vũ Đình T9 hiện gia đình ông A đang sử dụng vào mục đích nông nghiệp.

- Đối với Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất từ ông Vũ Đình A sang ông Vũ Đình T9 và Vũ Đình T, UBND xã Y đề nghị Tòa án hủy bỏ hợp đồng trên.

UBND xã Y tôn trọng diện tích đất hợp pháp của hộ ông Vũ Đình A theo đúng GCNQSD đất do UBND huyện Ý đã cấp với diện tích đất ở là 175m² tại thửa số 39 tờ bản đồ số 04 Bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991. UBND xã Y đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Đối với những người khác đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án, các con của ông Vũ Đình A là anh Vũ Đình T và anh Vũ Đình T9 có đơn từ chối nhận tặng cho quyền sử dụng đất đề ngày 19/4/2023 và trả lại quyền sử dụng đất phần diện tích đã được ông Vũ Đình A tặng cho ngày 15/11/2009. Ngày 28/8/2023, bà Đàm Thị T10 (là vợ ông Vũ Đình A) có văn bản đề nghị Tòa án không triệu tập bà tham gia tố tụng với tư cách là người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án do những vấn đề cần giải quyết không liên quan tới bà.

5. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; các Điều 18, 27, 28 Luật Khiếu nại; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình A về việc:

- Hủy bỏ Quyết định số 9905/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Ý về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đình A thôn D, xã Y (lần đầu), đề nghị:

+ Làm rõ toàn bộ diện tích đất trong biên bản đo hiện trạng được chính quyền địa phương xác nhận ngày 07/5/2009 và trong GCNQSD đất đã cấp như: diện tích, chiều rộng, chiều dài, vị trí giáp ranh, các hướng giáp ranh.

+ Làm rõ các ranh giới của toàn bộ thửa đất liền thổ, đất đã cấp, đất chưa cấp cho ông Vũ Đình A.

+ Làm rõ phần diện tích đất, mặt nước thùng đào của UBND xã Y quản lý mà UBND huyện Ý kết luận ông Vũ Đình A lấn chiếm trên thực địa như: vị trí đất lấn chiếm, vị trí mặt nước thùng đào lấn chiếm, diện tích đất lấn chiếm, diện tích thùng đào lấn chiếm.

+ Làm rõ việc UBND huyện Ý kết luận gia đình ông Vũ Đình A lấn chiếm đất công, đất mặt nước thùng đào do UBND xã Y quản lý.

+ Cấp bổ sung hoặc cấp mới đối với phần diện tích chênh lệch bằng diện tích trong Biên bản đo hiện trạng thực tế sử dụng đất được chính quyền địa phương xác nhận ngày 07/5/2009 sau khi trừ đi diện tích đất ở trong GCNQSD đất đã cấp theo khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai cấp cho ông Vũ Văn H2 tức ông Vũ Đình A.

+ Làm rõ ranh giới giữa thửa đất của ông Vũ Đình A và mương Cống Đìa lúc chưa nắn thẳng kênh mương Cống Đìa thời điểm năm 2005 so với hiện trạng khu đất hiện nay.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Vũ Đình A và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

6. Kháng cáo: Ngày 03/10/2023, người khởi kiện là ông Vũ Đình A có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ các yêu cầu của người khởi kiện và hủy bỏ bản án sơ thẩm.

7. Tại phiên tòa phúc thẩm:

7.1. Người khởi kiện là ông Vũ Đình A giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

7.2. Người đại diện hợp pháp của ông Vũ Đình A là anh Vũ Đình T trình bày ý kiến cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo quy định pháp luật với các lý do:

Thứ nhất, Tòa án vi phạm khi xác định người tham gia tố tụng: Ngay từ đầu các văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm không có tên bà T10, anh T, anh T9, chị N2 và chị P. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không triệu tập 5 người nêu trên đến với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ Thông báo 67 ngày 03/8/2023 về phiên họp giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định số 69 ngày 07/8/2023 về việc gia hạn thời hạn xét xử; Quyết định số 10 ngày 06/9/2023 về việc đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm; Trích lục bản án số 78 ngày 25/9/2023; Thông báo kháng cáo số 85 ngày 23/10/2023 thì 5 người nêu trên đều không có tên trong mục người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tại biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 20/9/2023 cũng không thể hiện 5 người nêu trên được Tòa án triệu tập với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ hồ sơ vụ án, anh T, anh T9 từ chối nhận tặng cho đất từ ông A; bà T10 có văn bản đề nghị không tham gia tố tụng trong vụ án nên không có liên quan trong vụ án. Chị N2, chị P đều không có tên trong tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nên không phải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ khoản 10 Điều 3 và các Điều 55, 56, 58 Luật Tố tụng hành chính thì 5 người nêu trên chưa đủ điều kiện là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nếu có. Căn cứ Điều 146 Luật Tố tụng hành chính thì mục người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong bản án không đúng với mục người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo Quyết định số 10. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã sửa bản án sơ thẩm khác với trích lục số 78 lại đưa 5 người này vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng vì những người này không phải là người liên quan. Tại trích lục bản án tòa án gửi cho anh không đúng với bản án phát hành. Tòa án xác định phần diện tích tăng lên là do lấn chiếm đất của anh T, anh T9 là không đúng vì anh T, anh T9 không liên quan gì đến vụ án. Phần diện tích đất tăng lên cũng không phải của ông A mà diện tích đất của ông A là phải do đo đạc thực tiễn.

Thứ hai, vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ: Phiên tòa sơ thẩm không đánh giá từng chứng cứ, sự liên quan của các chứng cứ do ông A cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập được dẫn đến đánh giá chứng cứ không khách quan, không chính xác.

Thứ ba, vi phạm về thẩm định tại chỗ: Thẩm định không đúng diện tích, hiện trạng đất, dẫn đến việc xét xử không khách quan.

Thứ tư, nhận định tại mục 6.5 của bản án sơ thẩm là không đúng pháp luật vì: Không có cơ sở sử dụng bản đồ năm 2010 để giải quyết vụ án, bản đồ 2010 chưa được ông A và chính quyền địa phương xác nhận nên việc Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng bản đồ 2010 để giải quyết vụ án là không đúng; phần diện tích 669,1m^2 đất không phải của ông A. Ông A đã cung cấp 02 Hợp đồng tặng cho với anh T, anh T9 được lập ngày 15/11/2019. Hợp đồng tặng cho đối với diện tích đất 175m^2 theo GCNQSD đất cấp cho ông A. Như vậy, ông A chỉ có quyền đối với phần diện tích đất 175m^2, còn lại ông A không có quyền tách 3 thửa đất theo hiện trạng. Do đó diện tích đất 669,1m^2 không liên quan đến ông A, anh T và anh T9. Tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án không căn cứ vào bản sao cấp GCNQSD đất năm 1999, bản sao đơn đề nghị được hỗ trợ công vượt lập của ông Vũ Đình A được ông Lê Văn B1 là Chủ tịch UBND xã xác nhận ngày 20/8/2016, bản sao biên bản xác định nguồn gốc đất đang sử dụng của ông A được chính quyền địa phương lập ngày 07/5/2009, bản sao giấy xác nhận ngày 25/8/2021 của ông Vũ Hồng Đ3 nguyên Chủ tịch UBND xã, bản sao giấy xác nhận ngày 28/8/2021 của ông Đinh Văn V1 nguyên Chủ nhiệm Hợp tác xã từ năm 1980-1991 về việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất và quá trình sử dụng đất cho gia đình ông Vũ Đình A. Hợp tác xã N4 trực tiếp quản lý đất giáp đất ở của ông A, bản sao giấy xác nhận ngày 26/8/2021 của ông Phạm Văn T5 nguyên Chủ nhiệm Hợp tác xã N4 từ năm 2000-2015, bản sao đơn đề nghị của ông A về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất có xác nhận của ông Vũ Văn T3 là Chủ nhiệm Hợp tác xã N4 từ 1996 đến nay, xác nhận Hợp tác xã trực tiếp quản lý đất kênh mương Cống Đìa giáp ranh đất nhà ông A, Chi bộ và nhân dân tại địa phương có xác nhận về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông A. Như vậy, Tòa án đã không lấy dân làm gốc, không đưa ra căn cứ ông A lấn chiếm đất công như Điều 12 Luật Đất đai và các khoản 1, 2 Điều 3 Nghị định 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, biên bản xử lý vi phạm hành chính, quyết định xử phạt vi phạm hành chính từ năm 1971 đến nay đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật; kế hoạch sử dụng đất hàng năm của UBND xã Y, UBND huyện Ý; quy hoạch sử dụng đất của UBND huyện Ý từ năm 1971 đến nay đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh sách sử dụng đất không hợp pháp của thôn D, xã Y, huyện Ý của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hồ sơ quản lý đất của UBND xã Y. Phần diện tích đất tăng lên bản án sơ thẩm nhận định do ông A lấn chiếm đất công là không đúng. Vì tại biên bản đo xác định lại diện tích đất đang sử dụng của ông A ngày 07/5/2009 đã thể hiện kích thước các cạnh và hiện trạng đất của ông A đang sử dụng. Ông A khẳng định việc sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp với ai từ năm 1971 đến nay. Theo quy định tại Điều 132 Luật Đất đai thì quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào Hợp tác xã do UBND cấp xã quản lý theo quy hoạch đã được phê duyệt, nếu đất của ông A là đất công thì phải nằm trong quy hoạch; gia đình ông A sử dụng đất hơn 50 năm nên kết luận ông A lấn chiếm đất công là không có cơ sở.

7.2. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về đơn kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của người khởi kiện là hợp lệ, trong thời hạn quy định tại các Điều 204, 205, 206 của Luật Tố tụng hành chính, đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập đầy đủ, hợp lệ lần thứ hai những người tham gia tố tụng đến phiên tòa, người kháng cáo đã có mặt, người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét thấy việc vắng mặt người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính. Những người tham gia tố tụng có mặt chấp hành nội quy phiên tòa và đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi đánh giá, phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; nội dung đơn kháng cáo và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đã kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, xem xét, đánh giá đầy đủ các chứng cứ, tài liệu, lời trình bày của các đương sự và xác định Chủ tịch UBND huyện Ý ban hành Quyết định số 9905/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đình A thôn D, xã Y (lần đầu) là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình A về việc hủy Quyết định số 9905/QĐ-UBND nêu trên là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính. Đối với những yêu cầu khởi kiện khác gồm: (1) làm rõ toàn bộ diện tích đất trong biên bản đo hiện trạng được chính quyền địa phương xác nhận ngày 07/5/2009 và trong GCNQSD đất đã cấp như: diện tích, chiều rộng, chiều dài, vị trí giáp ranh, các hướng giáp ranh; (2) làm rõ các ranh giới của toàn bộ thửa đất liền thổ, đất đã cấp, đất chưa cấp cho ông Vũ Đình A; (3) làm rõ phần diện tích đất, mặt nước thùng đào của UBND xã Y quản lý mà UBND huyện Ý kết luận ông Vũ Đình A lấn chiếm trên thực địa như: vị trí đất lấn chiếm, vị trí mặt nước thùng đào lấn chiếm, diện tích đất lấn chiếm, diện tích thùng đào lấn chiếm; (4) làm rõ việc UBND huyện Ý kết luận gia đình ông Vũ Đình A lấn chiếm đất công, đất mặt nước thùng đào do UBND xã Y quản lý; (5) cấp bổ sung hoặc cấp mới đối với phần diện tích chênh lệch bằng diện tích trong Biên bản đo hiện trạng thực tế sử dụng đất được chính quyền địa phương xác nhận ngày 07/5/2009 sau khi trừ đi diện tích đất ở trong GCNQSD đất đã cấp theo khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai cấp cho ông Vũ Văn H2 tức ông Vũ Đình A; (6) làm rõ ranh giới giữa thửa đất của ông Vũ Đình A và mương Cống Đìa lúc chưa

nắn thẳng kênh mương Cống Đìa thời điểm năm 2005 so với hiện trạng khu đất hiện nay - Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định những yêu cầu trên của ông Vũ Đình A không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án hành chính là có căn cứ nhưng phần quyết định lại tuyên bác những yêu cầu trên là có mâu thuẫn, không đúng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện ông Vũ Đình A đối với yêu cầu hủy Quyết định số 9905/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Ý về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đình A thôn D, xã Y (lần đầu) và sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ giải quyết vụ án đối với 06 yêu cầu còn lại nêu trên.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu hủy Quyết định số 9905/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Ý "Về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đình A thôn D, xã Y (Lần đầu)":

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2023, ông Vũ Đình A trình bày: Ông khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy Quyết định hành chính số 9905/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Ý về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đình A thôn D, xã Y chứ không kiện hành vi không cấp GCNQSD đất của UBND huyện Ý vì theo kết luận tại Văn bản số 586/UBND-TNMT ngày 18/8/2021 của UBND huyện Ý trả lời ông liên hệ với UBND xã Y để được hướng dẫn lập thủ tục công nhận quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết khiếu nại:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Từ ngày 05/01/2021 đến ngày 07/4/2021, ông Vũ Đình A có gửi đơn kiến nghị đến UBND huyện Ý với nội dung đề nghị cấp GCNQSD đất cho phần diện tích đất chưa cấp cho gia đình ông tại thôn D, xã Y, huyện Ý. UBND huyện Ý giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan có liên quan và UBND xã Y kiểm tra, xác minh nội dung đơn kiến nghị của ông Vũ Đình A. Trên cơ sở Báo cáo số 240/BC-TNMT ngày 07/7/2021 của Phòng T11 về việc báo cáo kết quả kiểm tra xác minh nội dung đơn của ông Vũ Đình A, ngày 18/8/2021 UBND huyện Ý đã ban hành Văn bản số 586/UBND-TNMT về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Vũ Đình A.

Không nhất trí với nội dung trả lời tại Văn bản số 586/UBND-TNMT ngày 18/8/2021 của UBND huyện Ý, ngày 14/9/2021 ông Vũ Đình A có đơn khiếu nại.

Sau khi nhận đơn khiếu nại, ngày 08/9/2022 Chủ tịch UBND huyện Ý đã ban hành Thông báo số 430/TB-UBND về việc thụ lý khiếu nại của ông Vũ Đình A đối với Văn bản số 586/UBND-TNMT ngày 18/8/2021 của UBND huyện Ý; đồng thời,

ban hành Quyết định số 6693/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại, thành lập Đoàn xác minh gồm đại diện Thanh tra, Phòng T11, Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Tư pháp huyện Ý YêT11 và giao nhiệm vụ cho Đ xác minh thực hiện nhiệm vụ xác minh làm rõ nội dung khiếu nại. Quá trình xác minh, Đoàn xác minh đã tiến hành làm việc với người khiếu nại, thu thập các tài liệu chứng cứ, đối thoại với người khiếu nại và sau khi có báo cáo của Đoàn xác minh về kết quả xác minh nội dung khiếu nại, ngày 12/12/2022 Chủ tịch UBND huyện Ý ban hành Quyết định số 9905/QĐ-UBND "Về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đình A, Thôn D, xã Y (lần đầu)" là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại các Điều 18, 27, 29, 30,31 của Luật Khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, do tính chất của vụ việc nên việc ban hành Quyết định số 9905/QĐ-UBND nêu trên có vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 28 của Luật Khiếu nại, đã được Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm là đúng.

[1.2] Về nội dung giải quyết khiếu nại:

Theo nội dung đơn kiến nghị của ông Vũ Đình A gửi UBND huyện Ý ngày 07/4/2021 thì ông A đề nghị giải quyết cấp GCNQSD đất cho phần diện tích đất chưa cấp giấy chứng nhận cho gia đình ông. Sau khi giao cho cơ quan chuyên môn xác minh, xem xét về nguồn gốc, hồ sơ địa chính, quá trình quản lý sử dụng đất, UBND huyện Ý đã ban hành Văn bản số 586/UBND-TNMT ngày 18/8/2021 về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Vũ Đình A với nội dung:

"Kết quả kiểm tra và xác minh.

1. Nguồn gốc sử dụng đất.

- Theo bản đồ địa chính năm 1986, tờ bản đồ số 2, thửa số 54, diện tích 140m^2 đất ở. Đứng tên ông A.

- Theo bản đồ địa chính năm 1991 là thửa đất số 39, tờ bản đồ số 4 diện tích 175m^2 đất ở, đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số D 0652357 ngày 20/07/1999 đứng tên ông Vũ Văn H2 (Vũ Đình A).

2.** Quá **trình sử dụng đất:

Sau khi hộ ông Vũ Đình A được UBND huyện Ý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 4 lập năm 1994 diện tích 175m^2 đất ở, số D 0652357 ngày 20/07/1999, thì hộ ông A đã tách làm 3 thửa đất, theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2010 xã Y cụ thể 3 thửa đất của hộ ông A hiện đang sử dụng gồm.

+ Thửa số 125, tờ bản đồ số 26, diện tích 249,1m^2. Trong đó đất ở 123,9m^2 đất mặt nước thùng đào 125,2m^2, đứng tên ông Vũ Đình T (Con ông A).

+ Thửa số 126, tờ bản đồ số 26, diện tích 224,3m^2. Trong đó đất ở 114,1m^2 đất mặt nước thùng đào 110,2m^2, đứng tên ông Vũ Đình T9 (Con ông A).

+ Thửa số 127, tờ bản đồ số 26, diện tích 370,7m^2. Trong đó đất ở 204,7m^2 đất mặt nước thùng đào 166m^2, đứng tên ông Vũ Đình A.

Tổng diện tích hiện trạng 3 thửa đất là 844,1m^2 so với diện tích ông A đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ năm 1999 là 175m^2 tăng so với giấy chứng nhận là: 669,1m^2.

Lý do tăng trong quá trình sử dụng đất hộ ông Vũ Đình A đã lấn chiếm một phần diện tích đất tại thửa số 83, tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính xã Y lập năm 1994 loại đất MN/hg do UBND xã Y quản lý.

Về diện tích 669,1m^2 tăng hộ ông A không cung cấp được các giấy tờ gì có liên quan về việc công nhận quyền sử dụng đất trên diện tích 669,1m^2 nêu trên của cấp có thẩm quyền. Từ nguồn gốc quá trình sử dụng đất và căn cứ các giấy tờ có liên quan đến quá trình sử dụng đất của hộ ông Vũ Đình A, đối chiếu với quy định tại Điều 20 Luật Đất đai năm 2013, Nhà nước quy định quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ năm 2014, việc xử lý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014; khoản 2 Điều 7 nghị định số 45/2014/NĐ-CP của Chính Phủ năm 2014 quy định thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (cấp Giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất đã sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004,

Kết luận:

- Diện tích 669,1m^2 trên gia đình ông A đang sử dụng tăng tại các thửa 125, 126, 127 tờ bản đồ số 26 (bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Y năm 2010) là chưa hợp pháp, lý do trong quá trình sử dụng đất hộ ông A lấn chiếm một phần diện tích đất mặt nước thùng đào do UBND xã Y quản lý đã được thể hiện tại thửa số 83 tờ bản đồ số 4 (bản đồ địa chính xã Y lập năm 1994),

- Việc ông Vũ Đình A đề nghị cấp phần diện tích đất tăng tại 3 thửa đất 125, 126, 127 tờ bản đồ số 26 phải thực hiện xử lý phương án công nhận Quyền sử dụng đất theo Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ năm 2014. Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP của Chính phủ năm 2014. Đề nghị ông Vũ Đình A liên hệ với UBND xã Y để được hướng dẫn lập thủ tục công nhận Quyền sử dụng đất theo quy định".

Ông A không đồng ý với nội dung trả lời tại Văn bản số 586/UBND-TNMT nêu trên nên ngày 14/9/2021 ông Vũ Đình A có đơn khiếu nại. Quá trình giải quyết khiếu nại, Đ xác minh được thành lập theo Quyết định số 6693/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Ý đã tiến hành thu thập các tài liệu, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ có liên quan đến thửa đất và làm việc với ông A; ngày 17/11/2022 Đoàn xác minh khiếu nại tổ chức buổi làm việc để kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông A nhưng do ông A và gia đình không hợp tác nên không thực hiện được việc đo đạc hiện trạng. Sau khi tổ chức đối thoại với ông A và anh T (ngày 03/11/2022), ngày 12/12/2022

Chủ tịch UBND huyện Ý ban hành Quyết định số 9905/QĐ-UBND "Về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đình A, Thôn D, xã Y (lần đầu) với nội dung kết luận:

"- Diện tích 669,1m^2 tăng so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp mà gia đình ông Vũ Đình A đang sử dụng tại các thửa 125, 126, 127 tờ bản đồ số 26 (bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Y năm 2010) là chưa hợp pháp, nguồn gốc diện tích đất này do gia đình ông A lấn chiếm đất mặt nước thùng đào do UBND xã Y quản lý.

- Ông Vũ Đình A không cung cấp được các giấy tờ gì có liên quan về việc đã nộp tiền hay được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông để sử dụng đối với diện tích 669,1m^2 tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND huyện Ý cấp ngày 20/7/1999. Vì vậy, việc ông Vũ Đình A đề nghị UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất đang sử dụng tại 3 thửa đất 125,126,127, tờ bản đồ số 26 là không đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Từ nội dung kết luận trên, tại Quyết định số 9905/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 Chủ tịch UBND huyện Ý đã quyết định: *"Giữ nguyên nội dung Văn bản số 586/UBND-TNMT ngày 18/8/2021 của UBND huyện Ý về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Vũ Đình A thôn D, xã Y…"*.

[1.3] Theo lời trình bày của ông Vũ Đình A và của người đại diện hợp pháp của ông A (là anh Vũ Đình T) thì trước đây ông Vũ Đình A cùng cha mẹ, anh em ruột sinh sống trên mặt đường 10 cũ, năm 1965 cả gia đình ông Vũ Đình A đi sơ tán chiến tranh rồi đến năm 1971 di cư xuống đầu làng T để khai hoang, phục hóa chỗ ở mới (mảnh đất hiện nay ông Vũ Đình A đang sinh sống); sau thời gian tham gia quân đội, tháng 11/1981 ông Vũ Đình A về phục viên làm xã viên HTX N4, lấy vợ sinh con tiếp tục sinh sống trên mảnh đất này. Việc ông Vũ Đình A (Vũ Văn H2) được cấp GCNQSD đất ngày 20/7/1999 gia đình hoàn toàn không biết, đến đầu năm 2009 ông Vũ Đình A mới nhận được GCNQSD đất này từ Trưởng thôn Dinh Tần. Khi xem GCNQSD đất ông A mới thấy diện tích đất trong giấy chứng nhận này bao gồm 175m² đất ở và 3.656m² đất ruộng là không đúng với thực tế hiện trạng đất ở ông A đang sử dụng nên đã làm đơn yêu cầu UBND xã Y về đo hiện trạng và cấp bổ sung diện tích đất ở còn thiếu cho ông Vũ Đình A. Đến ngày 07/5/2009, UBND xã Y, cơ sở thôn D đã về lập biên bản đo xác định hiện trạng thực tế đất của ông Vũ Đình A đang sử dụng. Từ đó đến nay nhiều lần ông Vũ Đình A gửi đơn đề nghị UBND xã Y công nhận quyền sử dụng phần diện tích đất chưa cấp theo biên bản đo hiện trạng nhưng vẫn chưa được giải quyết. Ông A có xuất trình "Biên bản đo xác định lại đất đang sử dụng của hộ ông Vũ Đình A thôn D" do Phó Chủ tịch UBND xã, Trưởng thôn D và Cán bộ địa chính xã Y lập ngày 07/5/2009 thể hiện việc đo đạc lại đất gia đình ông A đang sử dụng thực tế với đầy đủ số đo các cạnh thửa đất và xác nhận của một số thế hệ lãnh đạo, nhân dân xã Y, thôn D thể hiện thực trạng sử dụng đất của ông A trong giai đoạn trước năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T tiếp tục xác định gia đình ông A đến ở trên thửa đất từ năm 1991, không có cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào giao đất, không có việc mua bán, chuyển nhượng hay tặng cho quyền sử dụng đất; việc ông A được cấp GCNQSD đất ngày 20/7/1999 gia đình hoàn toàn không biết, không có đề nghị, không làm thủ tục gì, chỉ biết năm 2009 ông A nhận được GCNQSD đất do Trưởng thôn đưa cho nhưng không có văn bản giao nhận gì.

[1.4] Trên cơ sở xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khiếu kiện, quyết định hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị khiếu kiện, các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của người khởi kiện nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Pháp luật về đất đai qua các thời kỳ đều có quy định người sử dụng đất phải có nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, theo lời trình bày của ông A và anh T nêu trên thì có đủ cơ sở xác định kể từ thời điểm gia đình ông A bắt đầu khai hoang, phục hóa đất để làm nơi ở (năm 1971) cho đến thời điểm nhận được GCNQSD đất (năm 2009) gia đình ông A chưa lần nào kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận được GCNQSD đất cấp ngày 20/7/1999 trong đó thể hiện gia đình ông A được quyền sử dụng 175m^2 đất ở nên theo yêu cầu của ông A, ngày 07/5/2009 Phó Chủ tịch UBND, Cán bộ địa chính xã Y và Trưởng thôn Dinh Tần đã tiến hành đo đạc xác định lại kích thước các cạnh của thửa đất thực tế gia đình ông A đang sử dụng và đã lập "Biên bản đo xác định lại đất đang sử dụng của hộ ông Vũ Đình A thôn D"; trên cơ sở đó, từ ngày 05/01/2021 đến ngày 07/4/2021 ông Vũ Đình A mới chính thức có đơn kiến nghị đề nghị UBND huyện Ý cấp GCNQSD đối với diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận cho gia đình ông.

Sau khi nhận được đơn kiến nghị của ông A, UBND huyện Ý đã giao cho cơ quan chuyên môn là Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan có liên quan và UBND xã Y làm việc với ông Vũ Đình A; đồng thời tiến hành việc kiểm tra, xác minh về nguồn gốc, hồ sơ địa chính có liên quan đến kiến nghị của ông A thì thấy: Theo bản đồ địa chính năm 1986, ông A được quyền sử dụng 140m^2 đất ở; bản đồ địa chính năm 1991, ông A được quyền sử dụng 175m^2 đất ở; sau khi ông A được cấp GCNQSD đất ngày 20/7/1999 với 175m^2 đất ở, năm 2009 ông A đã tách làm 3 thửa đất thể hiện trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2010 với diện tích tăng lên so với diện tích đất ở tại GCNQSD đất cấp ngày 20/7/1999 là 669,1m^2. Phần diện tích đất này rõ ràng chưa được cơ quan nào có thẩm quyền giao đất hoặc công nhận quyền sử dụng hợp pháp cho hộ ông A mà theo hồ sơ địa chính thì thuộc thửa số 83, tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính xã Y lập năm 1994, loại đất MN/hg do UBND xã quản lý nên tại Văn bản số 586/UBND-TNMT ngày 18/8/2021, UBND huyện Ý đã sử dụng thuật ngữ "lấn chiếm" là đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định 91/2019/NĐ-CPngày 19/11/2019 của Chính phủ. Tuy nhiên, do xác định diện tích đất ông Vũ Đình A sử dụng thuộc khu dân cư thôn D phù hợp quy hoạch sử dụng đất ở (sau khi trừ hành lang giao thông đường bộ và hành lang bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định) và ông A chưa bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào xử lý về hành vi lấn chiến đất đai nên tại Văn bản số 586/UBND-TNMT ngày 18/8/2021, UBND huyện Ý đã kết

luận: *"Việc ông Vũ Đình A đề nghị cấp phần diện tích đất tăng tại 3 thửa đất 125, 126, 127 tờ bản đồ số 26 phải thực hiện xử lý phương án công nhận Quyền sử dụng đất theo Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ năm 2014. Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP của Chính phủ năm 2014. Đề nghị ông Vũ Đình A liên hệ với UBND xã Y để được hướng dẫn lập thủ tục công nhận Quyền sử dụng đất theo quy định"* là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật về đất đai hiện hành.

Tuy vậy, sau khi nhận được Văn bản số 586/UBND-TNMT ngày 18/8/2021 của UBND huyện Ý, ông A không liên hệ với UBND xã Y để được hướng dẫn lập thủ tục công nhận quyền sử dụng đất theo kết luận tại Văn bản này mà thực hiện việc khiếu nại. Quá trình giải quyết khiếu nại, Đoàn xác minh đã xem xét sơ đồ, vị trí, kích thước thửa đất tại "Biên bản đo xác định lại đất đang sử dụng của hộ ông Vũ Đình A thôn D" lập ngày 07/5/2009 và tiến hành so sánh với các tờ bản đồ, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, diện tích đất đã được cấp GCNQSD đất nêu trên thì thấy rõ ràng có sự khác nhau. Theo quy định tại khoản 20 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP06/01/2017 của Chính phủ thì để có cơ sở giải quyết yêu cầu của ông A được cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất tăng thêm so với diện tích đã được cấp giấy chứng nhận bắt buộc phải xem xét toàn diện về nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp, lấn chiếm, việc thực hiện nghĩa vụ tài chính, sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất để xử lý đối với từng trường hợp cụ thể theo quy định. Căn cứ vào quy định này, ngày 17/11/2022 Đoàn xác minh tổ chức buổi làm việc để kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Vũ Đình A nhưng do ông A và gia đình không hợp tác nên không thực hiện được việc đo đạc hiện trạng, từ đó chưa có cơ sở để xác định các nội dung khác theo quy định của pháp luật nêu trên. Vì vậy, sau khi tổ chức đối thoại với ông A và anh T, ngày 12/12/2022 Chủ tịch UBND huyện Ý ban hành Quyết định số 9905/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đình A, Thôn D, xã Y (lần đầu) với nội dung giữ nguyên nội dung Văn bản số 586/UBND-TNMT ngày 18/8/2021 của UBND huyện Ý về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Vũ Đình A thôn D, xã Y là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

Sau khi ông Vũ Đình A khởi kiện vụ án, quá trình tố tụng ông A không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông A về việc hủy Quyết định số 9905/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Ý là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A và người đại diện hợp pháp của ông A không giao nộp được thêm tài liệu, chứng cứ nào mới; những lời trình bày của người đại diện hợp pháp của ông A cũng không đủ cơ sở để chứng minh được Quyết định số 9905/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Ý ban hành trái pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Đình A đối với Quyết định này.

[2] Đối với những yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình A gồm: (1) làm rõ toàn bộ diện tích đất trong biên bản đo hiện trạng được chính quyền địa phương xác nhận ngày 07/5/2009 và trong GCNQSD đất đã cấp như: diện tích, chiều rộng, chiều dài, vị trí

giáp ranh, các hướng giáp ranh; (2) làm rõ các ranh giới của toàn bộ thửa đất liền thổ, đất đã cấp, đất chưa cấp cho ông Vũ Đình A; (3) làm rõ phần diện tích đất, mặt nước thùng đào của UBND xã Y quản lý mà UBND huyện Ý kết luận ông Vũ Đình A lấn chiếm trên thực địa như: vị trí đất lấn chiếm, vị trí mặt nước thùng đào lấn chiếm, diện tích đất lấn chiếm, diện tích thùng đào lấn chiếm; (4) làm rõ việc UBND huyện Ý kết luận gia đình ông Vũ Đình A lấn chiếm đất công, đất mặt nước thùng đào do UBND xã Y quản lý; (5) làm rõ ranh giới giữa thửa đất của ông Vũ Đình A và mương Cống Đìa lúc chưa nắn thẳng kênh mương Cống Đìa thời điểm năm 2005 so với hiện trạng khu đất hiện nay. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo những nội dung phân tích tại mục [1] cho thấy để làm rõ những nội dung trên thì bản thân và gia đình ông A cần phải có trách nhiệm và tích cực phối hợp với UBND xã Y cùng các cơ quan chuyên môn của UBND huyện Ý khi tiến hành các thủ tục giải quyết yêu cầu của ông A được cấp GCNQSD đất đối với diện tích thực tế đang sử dụng nằm ngoài GCNQSD đất đã cấp năm 1999 theo hướng dẫn tại đoạn 2 phần "Kết luận" Văn bản số 586/UBND-TNMT ngày 18/8/2021 của UBND huyện Ý. Tuy nhiên, ngày 17/11/2022 Đoàn xác minh tổ chức buổi làm việc để kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Vũ Đình A nhưng do ông A và gia đình không hợp tác nên chưa có cơ sở để từ đó làm rõ được những nội dung trên là do lỗi của gia đình ông A. Còn trong vụ án này, căn cứ vào quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định những yêu cầu trên của ông Vũ Đình A không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án hành chính là đúng. Tuy nhiên, tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm lại tuyên bác những yêu cầu trên là có mâu thuẫn, không đúng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính để sửa một phần Bản án sơ thẩm đối với 05 yêu cầu nêu trên cho đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu của ông Vũ Đình A về việc được cấp bổ sung hoặc cấp mới GCNQSD đất đối với phần diện tích chênh lệch bằng diện tích trong Biên bản đo hiện trạng thực tế sử dụng đất được chính quyền địa phương xác nhận ngày 07/5/2009 sau khi trừ đi diện tích đất ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp theo khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai cấp cho ông Vũ Văn H2 tức ông Vũ Đình A, xét thấy: Theo nội dung phân tích tại mục [1] và [2] ở trên đã xác định yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình A về việc hủy Quyết định số 9905/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Ý là không có căn cứ pháp luật; đồng thời ông A cũng chưa liên hệ với UBND xã Y và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục, hoàn thiện hồ sơ công nhận quyền sử dụng đối với phần diện tích đất ông A đề nghị được cấp GCNQSD đất nên Tòa án chưa có đủ căn cứ pháp luật để tuyên buộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSD đất như yêu cầu của ông A ở trên. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu này của ông A là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính, tuy nhiên tại phần nhận định của Bản án sơ thẩm lại xác định yêu cầu này không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án hành chính là

thiếu chính xác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[4] Đối với ý kiến của người đại diện hợp pháp của ông Vũ Đình A (là anh Vũ Đình T) cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện vụ án hành chính của ông Vũ Đình A và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, tại Thông báo về việc thụ lý vụ án số 05/2023/TLST-HC ngày 10/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã xác định vụ án có 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm UBND xã Y, anh Vũ Đình T và anh Vũ Đình T9 là đúng quy định tại khoản 10 Điều 3 và Điều 58 của Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án thì ngày 19/4/2023 anh Vũ Đình T và anh Vũ Đình T9 có Đơn từ chối nhận tặng cho QSDĐ và đã được ông Vũ Đình A xác nhận sự việc này tại Biên bản làm việc ngày 14/6/2023 (bút lục: 167) nên tại các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định vụ án có 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (UBND xã Y) là có căn cứ. Do đó, tại Bản án sơ thẩm đưa bà Đàm Thị T10, anh Vũ Đình T, anh Vũ Đình T9, chị Vũ Thị P1, chị Vũ Thị N3 vào mục người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có sự nhầm lẫn. Ý kiến của anh T đối với những người nêu trên là đúng, nhưng do trong vụ án này Tòa án không xem xét, giải quyết bất kỳ một quyền lợi, nghĩa vụ nào của họ và sự nhầm lẫn nêu trên không làm ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Đối với những lý do khác anh T trình bày để chứng minh cho kháng cáo của người khởi kiện đã được Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá ở những nội dung phân tích tại các mục [1], [2] và [3] nêu trên. Vì vậy, ý kiến của anh T yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại là không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính: Sửa một phần quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

Căn cứ vào các khoản 1, 2, 3, 4, 10 Điều 3; khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm đ khoản 1 Điều 123; điểm h khoản 1 Điều 143; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào các Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31 của Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ vào các Điều 95, 98, 99, 101, 166, 170, 204 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình A về việc: (1) Hủy bỏ Quyết định số 9905/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ý "Về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đình A thôn D, xã Y (lần đầu)" và (2) Cấp bổ sung hoặc cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích chênh lệch bằng diện tích trong Biên bản đo hiện trạng thực tế sử dụng đất được chính quyền địa phương xác nhận ngày 07/5/2009 sau khi trừ đi diện tích đất ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp theo khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai cấp cho ông Vũ Văn H2 tức ông Vũ Đình A.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với các yêu cầu của ông Vũ Đình A về việc:

- Làm rõ toàn bộ diện tích đất trong biên bản đo hiện trạng được chính quyền địa phương xác nhận ngày 07/5/2009 và trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp như: diện tích, chiều rộng, chiều dài, vị trí giáp ranh, các hướng giáp ranh.

- Làm rõ các ranh giới của toàn bộ thửa đất liền thổ, đất đã cấp, đất chưa cấp cho ông Vũ Đình A.

- Làm rõ phần diện tích đất, mặt nước thùng đào của Ủy ban nhân dân xã Y quản lý mà Ủy ban nhân dân huyện Ý kết luận ông Vũ Đình A lấn chiếm trên thực địa như: vị trí đất lấn chiếm, vị trí mặt nước thùng đào lấn chiếm, diện tích đất lấn chiếm, diện tích thùng đào lấn chiếm.

- Làm rõ việc Ủy ban nhân dân huyện Ý kết luận gia đình ông Vũ Đình A lấn chiếm đất công, đất mặt nước thùng đào do Ủy ban nhân dân xã Y quản lý.

- Làm rõ ranh giới giữa thửa đất của ông Vũ Đình A và mương Cống Đìa lúc chưa nắn thẳng kênh mương Cống Đìa thời điểm năm 2005 so với hiện trạng khu đất hiện nay.

3. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Vũ Đình A được miễn toàn bộ; trả lại cho ông Vũ Đình A số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí do ông Vũ Đình A đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006838 ngày 06 tháng 4 năm 2023.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Vũ Đình A không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 10 tháng 4 năm 2024).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Điền